APSC

S.G.P: 44 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

ALPHA SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

2017

MỤC LỤC

I. Thông tin chung 4
1. Thông tin khái quát 4
2. Quá trình hình thành và phát triển 4
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 5
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 5
4.1. Mô hình quản trị 5
4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý 5
5. Định hướng phát triển 6
5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2018 6
5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn 7
5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty. 7
Các rủi ro: 8
II. Tình hình hoạt động trong năm 9
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 9
2. Tổ chức và nhân sự 10
2.1. Thông tin về Ban điều hành 10
2.2. Về nhân sự 14
3. Tình hình tài chính 14
3.1. Tình hình tài chính 14
3.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 15
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 15
4.1. Cổ phần: 15
4.2. Cơ cấu cổ đông: 15
4.3. Vốn điều lệ 16
4.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có 16
III.Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc 16
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 16
2. Tình hình tài chính 18
2.1. Tình hình tài sản 18
2.2. Tình hình nợ phải trả 19
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 19
Kế hoạch phát triển trong tương lai 19
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty 20
Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 20
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty 20
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 21

V. Quản trị công ty **22**
1. Hội đồng quản trị **22**
Ban Kiểm soát **24**
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát **25**
VI. Báo cáo tài chính (đính kèm) **25**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Công ty cổ phần chứng khoán Alpha (Alpha Securities Company, JS) được thành lập hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19/12/2006, sửa đổi lần thứ nhất ngày 22/12/2006.

- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006 do UBCKNN cấp;

- Quyết định số 64/UBCK-GP ngày 21/8/2007 của UBCKNN về việc sửa đổi một số nội dung của Giấy phép 44/UBCK-GPHĐKD;

- Quyết định số 133/UBCK-GP ngày 18/6/2008 của UBCKNN về việc sửa đổi một số nội dung của Giấy phép 44/UBCK-GPHĐKD.

- Giấy phép số 211/UBCK-GP ngày 16/03/2009 điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 44/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 28/12/2006 được rút bớt nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

- Tổng số vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 133/UBCK-GP do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/6/2008 về việc sửa đổi một số nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006 do UBCKNN cấp là 58.619.400.000 đồng.

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha có trụ sở tại Số 02 Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

– Số điện thoại: (84.4) 39334666 Số fax: (84.4) 39334668

– Website: apsc.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 28/12/2006	Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động
Ngày 11/01/2007	Thành viên của Trung tâm Lưu ký chứng khoán
Ngày 23/01/2007	Thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Ngày 12/03/2007	Khai trương và đi vào hoạt động tại Hà Nội

Ngày 15/03/2007	Thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
Ngày 10/01/2008	Giới thiệu dịch vụ tra cứu SMS với Khách hàng
Ngày 04/01/2010	Giao dịch trực tuyến với sàn HCM
Ngày 28/05/2010	Giao dịch trực tuyến với sàn Hà Nội

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Các nghiệp vụ kinh doanh của APSC:

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị

Mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Giám đốc Khối chức năng. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối thông qua Giám đốc phụ trách khối.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

Cơ cấu quản lý Công ty được tổ chức theo sơ đồ sau

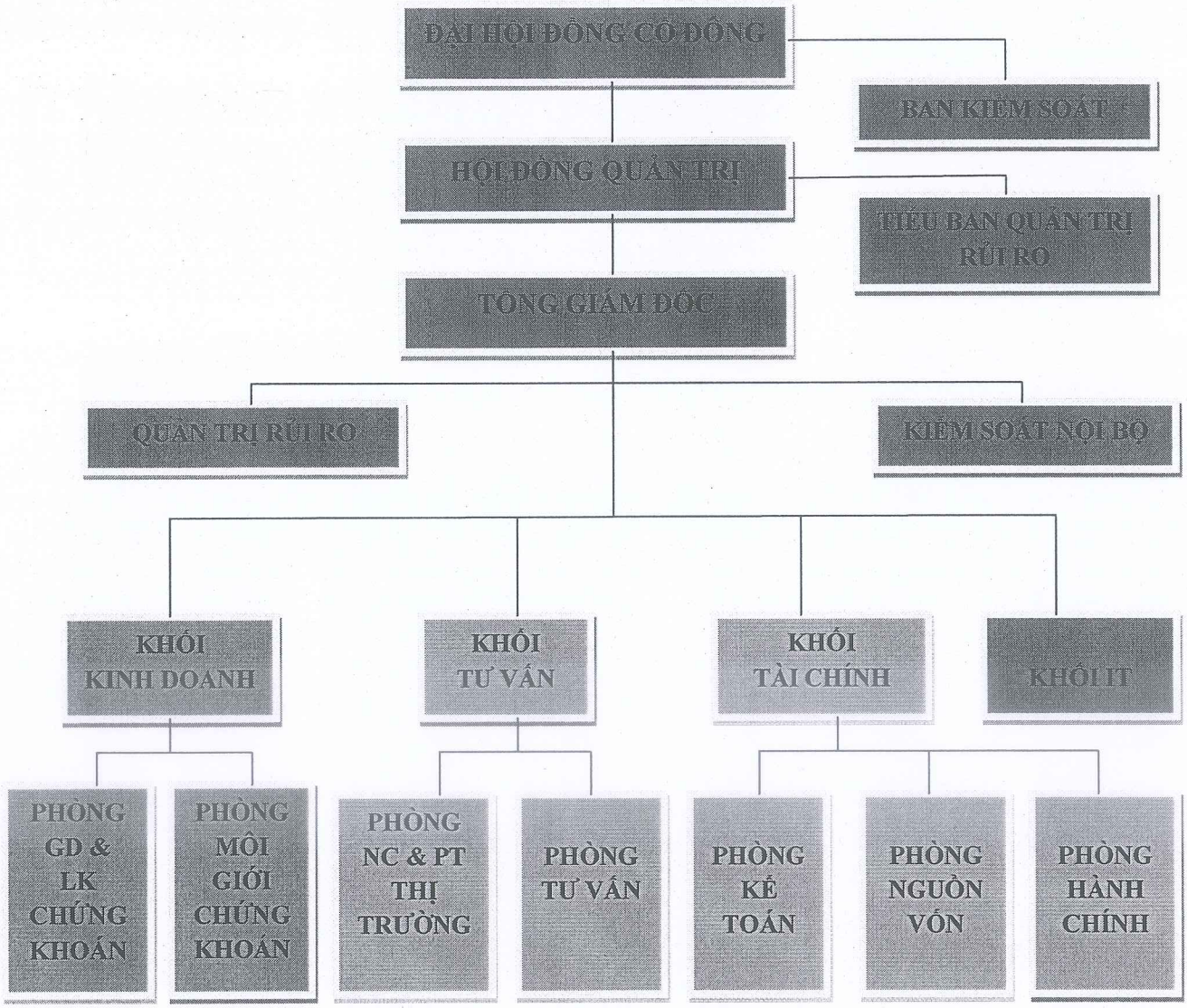

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2018

– Liên tục nâng cấp và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin nhằm đáp ứng tốt nhất các yêu cầu và tiêu chuẩn giao dịch mới. Cùng với đó là mang đến cho khách hàng cách thức giao dịch nhanh chóng và thuận tiện nhất;

– Khai thác triệt để lợi thế của APSC trong việc mở rộng và phát triển khách hàng;

– Kiểm soát chặt chẽ doanh thu, chi phí nhằm sử dụng hiệu quả nguồn vốn của Công ty;

– Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản trị và kiểm soát rủi ro, xây dựng Quy chế quản trị rủi ro chi tiết, cụ thể với từng nhóm rủi ro, từng bộ phận chuyên môn;

– Không ngừng hoàn thiện chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng;
– Tăng thị phần môi giới, mở rộng lĩnh vực tư vấn tài chính doanh nghiệp;

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Xây dựng APSC thành một công ty có thương hiệu mạnh về dịch vụ môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam và quốc tế. Để đạt được mục tiêu trên APSC đã đưa ra những chiến lược cụ thể như sau :

– Chiến lược phát triển khách hàng: APSC quan điểm rằng để mở rộng được mạng lưới khách hàng thì cần phải xây dựng được niềm tin của khách hàng đối với Công ty. Vì vậy, chữ "Tín" trong kinh doanh là một yếu tố quan trọng. Nâng cao tính minh bạch và cam kết về trách nhiệm trong các hoạt động giao dịch mua bán đầu tư với khách hàng sẽ là một nền tảng để khách hàng lựa chọn và gắn bó lâu dài với Công ty.
– Chiến lược phát triển sản phẩm dịch vụ: APSC cung cấp một chuỗi các sản phẩm nhằm nâng cao tiện ích cho khách hàng trong việc sử dụng dịch vụ, tiết kiệm thời gian tối đa và vẫn đạt hiệu quả trong đầu tư.
– Chiến lược công nghệ thông tin: Với đặc thù là ngành kinh doanh phụ thuộc nhiều vào công nghệ, APSC đã xác định mức độ quan trọng của hệ thống công nghệ thông tin hiện đại. Với kinh nghiệm trong ngành Chứng khoán, APSC thấu hiểu và thông suốt các cách thức giao dịch, nhu cầu của khách hàng, các sản phẩm phái sinh tài chính và cả những sản phẩm mới sẽ được đưa vào thị trường Việt Nam, trên nền tảng đó APSC xây dựng một hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, tiên tiến và có độ mở cao nhằm đáp ứng việc thích ứng với môi trường kinh doanh tại Việt Nam đặc biệt là sự thích nghi với sự thay đổi các chính sách của thị trường. Với hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng được đầy đủ các nhu cầu của khách hàng nhưng đồng thời giúp khách hàng tiết kiệm chi phí.
– Chiến lược nhân sự: APSC xác định nhân sự là yếu tố cơ bản và quan trọng nhất để xây dựng một APSC thành công và trở thành một thương hiệu mạnh trong ngành.

Vì vậy, APSC có một hệ thống các quy trình, chính sách để thu hút, đào tạo và phát triển nhân tài. Trong cơ chế thị trường cạnh tranh khốc liệt về nhân sự giỏi, APSC cam kết luôn hiểu, chia sẻ, vun đắp và hỗ trợ cho những thành viên của Công ty để từ đó có động lực phát triển và gắn bó lâu dài với Công ty.

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

– Trở thành một Công ty chứng khoán môi giới chuyên nghiệp và uy tín trên thị trường Chứng khoán Việt Nam.

– Phương thức giao dịch và hệ thống công nghệ thông tin hiện đại và tiên tiến nhất.
– Cung cấp các sản phẩm dịch vụ hoàn hảo đến khách hàng.
– Môi trường làm việc thân thiện và hiệu quả cao với đội ngũ chuyên gia có trình độ và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Chứng khoán, có đạo đức nghề nghiệp và có nhiệt huyết xây dựng Công ty.

Các rủi ro:

❖ **Rủi ro thị trường** là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh do biến động về lãi suất, tỷ giá ngoại tệ, chỉ số giá cổ phiếu, giá cả hàng hóa thế giới và trong nước. Rủi ro thị trường gây tác động làm giảm mức độ lợi nhuận đầu tư của Công ty thông qua ảnh hưởng trực tiếp tới khoản đầu tư tiền gửi, đầu tư cổ phiếu của Công ty. Nhận thức được những bất ổn tiềm tàng trong nền kinh tế, Công ty luôn thực hiện chiến lược đầu tư thận trọng, và đạt hiệu quả cao nhất trong đầu tư.

❖ **Rủi ro tín dụng** là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh và lợi nhuận của Công ty. Rủi ro tín dụng phát sinh từ các khoản phải thu khách hàng từ những hợp đồng tư vấn và hỗ trợ giao dịch ký quỹ. Rủi ro này phát sinh khi đối tác không hoàn thành khả năng thanh toán. Đối với giao dịch ký quỹ, APSC thực hiện thận trọng trên cơ sở tuân thủ các quy định của UBCK Nhà Nước và thường xuyên đánh giá các mã cổ phiếu trong danh mục chứng khoán ký quỹ dựa trên yếu tố thanh khoản, biến động giá. Đối với các hợp đồng tư vấn, Công ty yêu cầu khách hàng thanh toán trước theo từng giai đoạn của công việc hoặc đặt cọc một phần tiền. Bằng việc thực hiện các biện pháp quản trị rủi ro tín dụng, năm 2015, Công ty không để xảy ra tình trạng tổn thất vốn, hay nợ xấu.

❖ **Rủi ro thanh khoản** là rủi ro dẫn đến mất khả năng thanh toán những khoản nợ ngắn hạn. Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ hợp lý đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

❖ **Rủi ro pháp luật** là rủi ro liên quan đến đến các quy định của pháp luật ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Thị trường chứng khoán Việt Nam đang trong quá

trình hoàn thiện, các văn bản pháp luật mới liên tục được ban hành. Chính vì vậy, Công ty thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến lĩnh vực chứng khoán và các lĩnh vực liên quan khác, tiến hành đào tạo nhằm nâng cao kiến thức về pháp luật cho nhân viên. Nhờ đó đã giúp Công ty hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề pháp luật.

❖ **Rủi ro về thương hiệu** nảy sinh do các yếu tố làm ảnh hưởng đến Công ty và thương hiệu, hình ảnh của Công ty đối với đối tác, nhà đầu tư và các cơ quan quản lý. Công ty luôn chú trọng xây dựng hình ảnh Công ty, đảm bảo phục vụ khách hàng tốt nhất và thực hiện đầy đủ chế độ công bố thông tin.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Tình hình thế giới:

Nền kinh tế thế giới năm 2017 hồi phục mạnh mẽ. Với điều kiện tài chính thuận lợi và một số hỗ trợ từ chính sách tài khóa, triển vọng kinh tế toàn cầu tương đối tươi sáng và đồng đều giữa các nền kinh tế phát triển và mới nổi.

Kinh tế Mỹ tăng trưởng vững mạnh: Các chỉ số kinh tế vĩ mô như tăng trưởng, tỷ lệ thất nghiệp đều cho thấy năm 2017 là năm tăng trưởng tốt đối với nền kinh tế Mỹ. Nhờ số liệu tích cực của nền kinh tế, thị trường chứng khoán Mỹ đã có 1 năm khởi sắc

Kinh tế EU đang dần phục hồi: Trong năm 2017, mặc dù kinh tế EU đối mặt với những bất ổn chính trị tại khu vực, nhưng kinh tế EU phục hồi rất mạnh. Sự phục hồi này đã lan ra khắp thế giới. Tỷ lệ thất nghiệp giảm đi, cầu của nền kinh tế tăng lên.

Khu vữ Châu Á – Thái Bình Dương phát triển năng động: Châu Á – Thái Bình Dương là khu vực năng động nhất về kinh tế và là động lực chính cho tăng trưởng toàn cầu. Theo báo cáo của Ủy ban Kinh tế và Xã hội khu vực châu Á - Thái Bình Dương của Liên hợp quốc (ESCAP), GDP trung bình của các nền kinh tế đang phát triển ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương tăng 5,4% trong năm 2017, chủ yếu là do tiêu dùng trong nước. Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) thống kê mức tăng trưởng kinh tế của châu Á 6% trong năm 2017, nhờ tăng trưởng xuất khẩu và tiêu thụ nhiên liệu nội địa cao hơn so với dự kiến.

1.2. Tình hình trong nước

Năm 2017, tăng trưởng kinh tế đạt 6,81%. Sau những khó khăn chạm đáy vào năm 2012, nền kinh tế quốc gia đang cho thấy sự tăng trưởng khá ổn định khi luôn cao

hơn mức tăng trưởng trung bình trong giai đoạn 2011 – 2017. Tăng trưởng kinh tế tăng cao trong bối cảnh các biến số phản ánh ổn định kinh tế được cải thiện.

Thứ nhất, về tỉ lệ lạm phát. Trong những năm gần đây, tỉ lệ lạm phát có xu hướng giảm rõ rệt, năm 2017 là dưới 5% (thấp hơn tỉ lệ lạm phát trung bình giai đoạn 2011-2017 là 6,5%).

Thứ hai, về tỉ lệ nợ công/GDP. Từ 63,6% năm 2016, tỉ lệ nợ công/GDP năm nay đã giảm xuống còn 62%. Tốc độ tăng nợ công cũng đang có xu hướng giảm dần; giai đoạn 2011-2015, tăng trưởng nợ công trung bình đạt 18,4%, năm 2016 tăng 15% và năm 2017 là 9%. Cùng với đó, bội chi ngân sách đang giảm, tỉ lệ chi thường xuyên trong chi ngân sách đã giảm xuống còn 64,9% năm nay và dự kiến là 64% vào năm 2018.

Thứ ba, cán cân thương mại cải thiện từ nhập siêu năm 2015 (3,2 tỷ USD), năm 2016 xuất siêu 2,68 tỷ USD và khả năng năm 2017 đạt thặng dư cán cân thương mại.

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2017 được cho là một điểm sáng của nền kinh tế. Đây là năm mà các con số kỷ lục được xác lập trên thị trường chứng khoán.

1.3. Tình hình công ty

Trong năm 2017, thị trường đã có những diễn biến tích cực tác động đến thị trường chứng khoán nói chung và doanh thu của Công ty nói riêng. Doanh thu của Công ty tăng mạnh, đặc biệt ở doanh thu hoạt động môi giới. Doanh thu hoạt động môi giới đạt 7.328.331.181 đồng tăng 48,6% so với năm 2016.

Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 9.713.775.776 đồng tăng 28,45% so với năm 2016. Lợi nhuận sau thuế lỗ 520 triệu đồng, giảm so với mức lỗ 4,6 tỷ năm 2016.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Thông tin về Ban điều hành

❖ **Ông Nguyễn Quốc Hùng –Tổng Giám Đốc**

Họ và tên:	NGUYỄN QUỐC HÙNG
Chức vụ:	Tổng Giám đốc
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	20-08-1965

CMND:	011019129, cấp ngày 30/03/2000 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 64 Ngõ Thổ Quan, Phố Khâm Thiên, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(84 4) 3933 4666 (Ext: 186)
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - Viện Đại học Mở
Quá trình công tác:	1983-1995: Nhân viên Xí nghiệp xăng dầu-Công ty xăng dầu khu vực 1 2000-2006: Trưởng phòng Môi giới Công ty Chứng khoán SSI
Chức vụ công tác hiện nay:	Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần LICOGI 13
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	1.636.400
Loại cổ phần sở hữu	Phổ thông
Tỷ lệ	27,92%

❖ **Ông Lê Văn Cường – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên:	LÊ VĂN CƯỜNG
Chức vụ:	Phó Tổng Giám đốc
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	23-02-1973
CMND:	011663391, cấp ngày 24/05/2005 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam

Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	150 L3, Thái Thịnh, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(84 4) 3933 4666 (Ext: 308)
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - Học Viện Ngân Hàng
Quá trình công tác:	- Từ 1995-1996 : Nhân viên Ngân hàng Vietcombank - Từ 1996-1998 : Chuyên viên – Ngân hàng Nhà nước - Từ 1998- 2007 : Chuyên viên - Ủy ban chứng khoán nhà nước
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	41.000
Loại cổ phần sở hữu	Phổ thông
Tỷ lệ	0,70%

❖ **Bà Trương Thị Minh Thọ - Giám đốc khối Kinh doanh Chứng khoán**

Họ và tên:	TRƯƠNG THỊ MINH THỌ
Chức vụ:	Giám đốc khối Kinh doanh Chứng khoán
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	14-12-1976
CMND:	011805590, cấp ngày 13/08/2007 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam

Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 21,Ngõ 535, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(84 4) 3933 4666 (Ext: 206)
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	- Cử nhân Ngoại ngữ khoa tiếng Đức - Đại học Ngoại Ngữ Hà Nội - Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng
Quá trình công tác:	- 2000 - 2006: Trưởng Bộ phận Dịch vụ Chứng khoán – Công ty cổ phần chứng khoán SSI
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT, Giám đốc khối kinh doanh chứng khoán Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	190.000
Loại cổ phần sở hữu	Phổ thông
Tỷ lệ	3,24%

❖ **Ông Võ Thanh Hải – Giám đốc khối Công nghệ thông tin**

Họ và tên:	VÕ THANH HẢI
Chức vụ:	Giám đốc khối Công nghệ thông tin
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	23-09-1979
CMND:	011938058, cấp ngày 15/01/2011 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	34 A1, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(84 4) 3933 4666 (Ext: 613)
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Công nghệ Thông tin – Đại học Bách Khoa
Quá trình công tác:	- 2003-2006 : Lập trình viên Công ty FPT
Chức vụ công tác hiện nay:	Giám đốc khối Công nghệ thông tin Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	13.000
Loại cổ phần sở hữu	Phổ thông
Tỷ lệ	0,22%

2.2. Về nhân sự

Cơ cấu tổ chức và phát triển nhân sự: Trong năm 2017, Công ty tiến hành tuyển dụng thêm nhân sự để đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh. Bộ máy tổ chức – nhân sự của Công ty từ cấp cao đến nhân viên đều được duy trì ổn định.

Việc đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cũng được tổ chức thường xuyên nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ. Các nhân viên mới đều tham gia các khóa học về chứng chỉ chuyên môn do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán tổ chức.

3. Tình hình tài chính

3.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm		% tăng/ giảm
	2017	2016	
Tổng giá trị tài sản	44.092.361.427	44.092.361.427	-
Doanh thu thuần	9.713.775.776	7.562.226.750	28,45
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	705.489.019	(2.832.806.813)	-
Lợi nhuận khác	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	(520.374.274)	(4.666.782.165)	-
Lợi nhuận sau thuế	(520.374.274)	(4.666.781.715)	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

3.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm	
	2017	**2016**
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	9,45	13,52
Hệ số thanh toán nhanh	9,45	13,52
2.Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,10	0,068
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,11	0,073
3.Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	21,55%	16,48%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(5,36%)	(64,24%)
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(1,28%)	(11,36%)
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(1,15%)	(10,58%)
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(7,26%)	(38,99%)

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

4.1. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 5.861.940 cổ phần

Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 5.861.940 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không có

4.2. Cơ cấu cổ đông:

Tổng số cổ đông: 65 cổ đông, được phân bổ theo cơ cấu sau:

Phân loại	Cổ đông lớn	Cổ đông nhỏ	Cổ đông tổ chức	Cổ đông cá nhân	Cổ đông trong nước	Cổ đông nước ngoài	Cổ đông nhà nước	Cổ đông khác
Tỷ lệ	76,33%	23,67%	1,96%	98,04%	100%	0%	0%	100%
Tổng	**100 %**		**100 %**		**100 %**		**100 %**	

Nguồn: Danh sách cổ đông APSC ngày 31/12/2016

4.3. Vốn điều lệ

Năm 2017, Công ty cổ phần chứng khoán Alpha không thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ hiện tại: 58.619.400.000 đồng

4.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

III.Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

Bảng đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017

Đơn vị: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2017	Thực hiện Năm 2017	Tỷ lệ %
Doanh thu	**15.000.000**	**9.137.775**	**60,92**
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	12.000.000	7.328.331	61,07
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	-	-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	2.000.000	967.272	48,36
Doanh thu lưu ký chứng khoán	-	-	-
Doanh thu khác	1.000.000	406.721	40,67
Chi phí hoạt động kinh doanh	**7.000.000**	**3.933.705**	**56,20**
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**5.000.000**	**4.892.061**	**97,84**

Thu nhập khác	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-
Lợi nhuận khác	-	-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	**(520.374)**	-

Theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 của APSC cụ thể như sau:

❖ **Hoạt động môi giới – giao dịch chứng khoán**

Trong năm 2017, hoạt động kinh doanh môi giới - giao dịch chứng khoán của Công ty có những thuận lợi nhất định. Thị trường chứng khoán có khởi sắc do những tín hiệu tích cực từ các chỉ số vĩ mô. APSC đã cố gắng duy trì chất lượng sản phẩm dịch vụ môi giới bằng kỹ năng và trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên môi giới của Công ty, tiếp tục đảm bảo cung cấp đầy đủ và trung thực các thông tin của thị trường để giúp khách hàng nắm bắt được thông tin kịp thời, tìm kiếm và cung cấp cho khách hàng các cơ hội đầu tư phù hợp. Do nỗ lực của Công ty và những dấu hiệu tích cực từ thi trường Chứng khoán, doanh thu hoạt động môi giới của APSC đạt 7,3 tỷ đồng, tăng 48,98% so với năm 2016.

Hoạt động kinh doanh của bộ phận môi giới đều được thực hiện đúng quy định, không xảy ra bất kỳ sự cố cũng như khiếu kiện nào từ phía nhà đầu tư. Công ty luôn kịp thời cập nhật những quy định mới của UBCKNN và Bộ Tài Chính đến nhà đầu tư, duy trì mối quan hệ gắn bó với các khách hàng.

❖ **Hoạt động tư vấn Tài chính doanh nghiệp và phân tích đầu tư**

Trong năm 2017, doanh thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp đạt 967 triệu đồng, giảm16,42% so với năm 2015.

❖ **Hoạt động lưu ký**

Là một trong những nghiệp vụ cơ bản của APSC. Hoạt động này đã cung cấp cho khách hàng rất nhiều tiện ích như ký gửi và bảo quản chứng khoán để đảm bảo các quyền và lợi ích kịp thời cho khách hàng. Với việc lưu ký sớm chứng khoán, APSC đã hỗ trợ cho khách hàng kịp thời giao dịch. Ngoài ra khách hàng còn được cập nhập các

thông tin kịp thời về cổ tức, giá chứng khoán và các thông tin liên quan đến cổ phiếu mà khách hàng đầu tư.

Trong năm Công ty đã thực hiện đầy đủ và chính xác các số liệu cũng như thủ tục lưu ký và thanh toán bù trừ, không xảy ra sai sót. Các thủ tục giấy tờ tiến hành nhanh chóng đã mang lại sự hài lòng cho khách hàng.

Những tiến bộ đã đạt được:

– Cơ cấu tổ chức linh hoạt, chuyên nghiệp hóa.
– Chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng cấp, các quy trình nghiệp vụ được hoàn thiện giúp nâng cao chất lượng dịch vụ và Công ty kiểm soát được rủi ro.
– Cơ sở hạ tầng và phần mềm dịch vụ được liên tục đổi mới

Các hạn chế còn tồn tại:

Bên cạnh những tác động nặng nề từ tình hình kinh tế vĩ mô cũng như sự suy giảm của thị trường chứng khoán đã nói ở trên, chúng ta cũng còn nhiều mặt chưa làm được do những hạn chế trong nội tại Công ty, cụ thể là:

– Mặc dù đã rất cố gắng nhưng kết quả kinh doanh cho thấy các bộ phận trong Công ty chưa tìm ra được giải pháp hiệu quả để cải thiện tình hình kinh doanh trong bối cảnh thị trường chứng khoán hiện nay.
– Công nghệ thông tin: phần mềm giao dịch trong quá trình sử dụng tiếp tục cần chỉnh sửa, nâng cấp và hoàn thiện để đáp ứng những yêu cầu mới của cơ quan quản lý nhà nước và các yêu cầu mới của khách hàng trong khi chi phí nâng cấp cho hệ thống này còn hạn chế nên mới chỉ đáp ứng được những yêu cầu cơ bản.
– Thị phần, chất lượng dịch vụ: thị phần của Công ty có dấu hiệu giảm, chất lượng dịch vụ chưa tương xứng với mức phí của Công ty. Ngoài yếu tố thị trường, cũng có những nguyên nhân từ bên trong như: đội ngũ chuyên viên có trình độ cao còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm, v.v…

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Năm 2017 tổng tài sản cuối kỳ của Công ty đạt 45,078 tỷ đồng, tăng so với cuối kỳ năm 2016 là 2,24%.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả của Công ty là 4,5 tỷ đồng, trong đó các khoản phải trả chủ yếu là khoản vay ngắn hạn.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cơ cấu tổ chức: Năm 2017, các bộ phận trong Công ty có thay đổi về nhân sự, thuyên chuyển, cắt giảm, tuyển dụng thêm nhân sự và tận dụng tốt hơn năng lực làm việc của nhân sự trong từng bộ phận.

Về chính sách, quản lý: Công ty tiếp tục ban hành các chính sách nhằm cải thiện và kiện toàn bộ máy quản lý của Công ty .

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Sang năm 2018, dự báo kinh tế thế giới tăng trưởng khả quan, GDP toàn cầu dự kiến tăng khi các nền kinh tế lớn đang dần lấy lại đà tăng trưởng trong giai đoạn gần đây.

Nền kinh tế Việt Nam năm 2018 được đánh giá có triển vọng tăng trưởng tốt và được dự đoán sẽ đạt mức 7,1%.

Thị trường Chứng khoán Việt Nam hứa hẹn sẽ có một năm tăng trưởng mạnh mẽ do lượng hàng trên thị trường được dự báo sẽ cải thiện về cả số lượng và chất lượng khi Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động cổ phần hóa và niêm yết các doanh nghiệp nhà nước, ngoài ra lộ trình triển khai thị trường chứng khoán phái sinh hứa hẹn sẽ đem lại nhiều sản phẩm mới cho thị trường. Đây là cơ hội cũng là thách thức đối với Công ty, Công ty sẽ phát huy tối đa mọi nguồn nhân lực để có thể phát triển một cách bền vững, tiếp tục đầu tư, đào tạo để nâng cao tính chuyên nghiệp cũng như chuyên môn cho đội ngũ nhân viên trong toàn Công ty. Từ đó phát triển nhiều sản phẩm mới phục vụ thị trường tốt hơn.

Kế hoạch kinh doanh APSC năm 2018 như sau:

Đơn vị: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2018	Năm 2017	Tăng Giảm%
Doanh thu	**11.000.000**	**9.713.775**	**13,24**
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	8.000.000	7.328.331	9,17

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	-	-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	2.000.000	967.272	106,77
Doanh thu lưu ký chứng khoán	-	229.543	-
Doanh thu khác	1.000.000	406.721	145,87
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	**11.000.000**	**9.713.775**	**13,24**
Chi phí hoạt động kinh doanh	**5.500.000**	**3.933.705**	**39,82**
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**4.000.000**	**4.892.061**	**(18,23)**
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**1.500.000**	**705.489**	**112,62**
Thu nhập khác	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-
Lợi nhuận khác	-	-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	**(520.374)**	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	**(520.374)**	-

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong bối cảnh của toàn thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2017, Hội đồng quản trị ghi nhận nỗ lực của toàn bộ tập thể cán bộ Công ty. Doanh thu năm 2017 tăng so với năm 2016, mặc dù Công ty vẫn lỗ nhưng mức lỗ nhỏ hơn nhiều so với năm 2016.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Năm 2017, Hội đồng quản trị triển khai giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua các hình thức:

– Giám sát thông qua các báo cái kết quả hoạt động hàng tháng, hàng quý

- Giám sát Ban Tổng giám đốc trong các cuộc họp giao ban công ty
- Giám sát thông qua các ý kiến đánh giá. kết luận của Ban kiểm soát về công tác quản trị điều hành của Ban Tổng Giám đốc và tình hình hoạt động của Công ty.

Kết quả giám sát: Ban Tổng giám đốc Công ty đã có những cố gắng rất lớn trong việc điều hành Công ty. Ban Tổng giám đốc chỉ đạo và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao như: Điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty vượt qua thời kỳ khó khăn khủng hoảng của nền kinh tế, giữ được sự ổn định về vốn và các nguồn tài chính; Tiết giảm chi phí hoạt động; nâng cấp website Công ty; Thay đổi, tuyển mới, thuyên chuyển nhân sự hợp lý tận dụng tốt nguồn lực cũng như giúp nhân viên phát huy tốt năng lực của mình; Có những chiến lược thu hút nhà đầu tư tương đối hiệu quả.

Tuy vậy, những cố gắng của Ban giám đốc chưa đạt được kết quả như kế hoạch, doanh thu, lợi nhuận và chi phí kinh doanh trong năm đều không đạt kế hoạch đề ra.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Kinh tế Việt Nam dự báo tiếp tục tăng trưởng song tốc độ chậm. Do vậy, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn tiếp tục có những diễn biến khó lường và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Bên cạnh đó là sự cạnh tranh khốc liệt về thị phần giữa các công ty chứng khoán. Hội đồng quản trị đặt mục tiêu tiết giảm chi phí, tận dụng các nguồn lực hiện có, đào tạo nhân sự hiện có và nâng cao chất lượng dịch vụ là những giải pháp căn bản để giảm bớt những khó khăn do hoàn cảnh thị trường chứng khoán suy giảm hiện nay gây ra.

Năm 2018, Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện những công việc chính sau:

- Tiếp tục nâng cấp toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng với các yêu cầu và tiêu chuẩn giao dịch mới;
- Khai thác triệt để lợi thế của APSC trong việc mở rộng và phát triển khách hàng
- Tăng cường kiểm soát doanh thu, chi phí nhằm duy trì hoạt động kinh doanh có lãi, chống đỡ với những khó khăn của thị trường và sẵn sàng khi thị trường có cơ hội phục hồi
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản trị và kiểm soát rủi ro, xây dựng Quy chế quản trị rủi ro chi tiết, cụ thể với từng nhóm rủi ro, từng bộ phận chuyên môn.

- Không ngừng hoàn thiện chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng;
- Tăng thị phần môi giới, mở rộng lĩnh vực tư vấn tài chính doanh nghiệp;
- Liên tục tuyển dụng và đào tạo các nhân tài phục vụ cho Công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có 05 người như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tham gia điều hành/ Độc lập không điều hành	Cổ phần sở hữu và đại diện		Loại cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
				Sở hữu	Đại diện		
1	Nguyễn Quốc Hùng	Chủ tịch HĐQT	Tổng giám đốc	1.636.400	0	Phổ thông	27,92%
2	Lê Như Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	Độc lập không điều hành	0	115.000	Phổ thông	1,96%
3	Lê Văn Cường	Thành viên	Phó tổng giám đốc	41.000	0	Phổ thông	0,7%
4	Lê Đức Thắng	Thành viên	Độc lập không điều hành	0	0	Phổ thông	0%
5	Trương Thị Minh Thọ	Thành viên	TV Ban giám đốc	190.000	0	Phổ thông	3,24%

Hội đồng quản trị có 05 thành viên, trong đó 02 thành viên không điều hành là ông Lê Như Hùng và Lê Đức Thắng, 03 thành viên còn lại kiêm nhiệm chức vụ quản lý và điều hành công ty, hưởng lương hàng tháng.

Tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông (ngày 31/12/2017) 05 thành viên Hội đồng quản trị sở hữu trực tiếp 1.867.400 cổ phiếu, chiếm 31,86% và đại diện sở hữu 115.000 cổ phần, tương đương 1,96%.

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

– Triển khai việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đến Ban điều hành và các bộ phận trong Công ty.

– Bàn bạc với Ban kiểm soát quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán (Trong số các Công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận) để Tổng giám đốc ký hợp đồng thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty.

– HĐQT Công ty đã thực hiện nghiêm túc Báo cáo tình hình quản trị Công ty định kỳ 06 tháng và năm gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo đúng Quy định của Pháp luật.

– Giám sát những người quản lý Công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ, nhìn chung năm 2017 đa số những người quản lý điều hành Công ty thực hiện nhiệm vụ một cách năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm. Công tác quản lý điều hành thực hiện một cách nghiêm túc và cẩn trọng theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

– Trực tiếp bàn bạc, chỉ đạo và góp ý với Tổng giám đốc, cùng Tổng giám đốc đưa ra những biện pháp cụ thể để tháo gỡ những khó khăn trong kinh doanh.

– Cùng với các kiểm toán viên của Công ty kiểm toán độc lập xem xét tính hợp lý, hợp lệ và các vấn đề khác của Báo cáo tài chính năm 2015, báo cáo tài chính đã được kiểm toán và công bố theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Trước những biến động của thị trường chứng khoán, năm 2017, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo, giám sát kịp thời, hỗ trợ hoạt động của Ban Tổng giám đốc thông qua việc ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh và tổ chức nhân sự của Công ty phù hợp với pháp luật và quy chế, quy định của công ty, bám sát mục tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã giao.

Ngoài các cuộc họp định kỳ, các thành viên Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi thông tin linh hoạt thông qua văn bản, fax, email, v.v... Nội dung chính thảo luận tại các phiên họp sau khi đạt được sự thống nhất giữa các thành viên Hội đồng quản trị được thể chế thành Nghị quyết Hội đồng quản trị. Trong năm 2017, Hội đồng quản trị triệu tập 4 lần với các nội dung chính như sau:

– Thông qua kết quả kinh doanh năm 2016 theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016; Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2017.

– Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2017 và thông qua phương hướng, nhiệm vụ cho các tháng tiếp theo.

– Thông qua Báo cáo tài chính quý III/2017; Đánh giá kết quả kinh doanh quý III/2017 và đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho Quý IV/2017.

– Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh năm 2017 và Thông qua phương hướng nhiệm vụ năm 2018.

Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tham gia điều hành/ Độc lập không điều hành	Cổ phần sở hữu và đại diện		Loại cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
				Sở hữu	Đại diện		
1	Lê Thành Trung	Trưởng Ban kiểm soát	Độc lập không điều hành	575.000	0	Phổ thông	9.81%
2	Nguyễn Đặng Bảo Linh	Thành viên	Độc lập không điều hành	30.000	0	Phổ thông	0.51%
3	Đỗ Bích Ngọc	Thành viên	Độc lập không điều hành	0	0	Phổ thông	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2017, Ban kiểm soát công ty nhận được sự hỗ trợ của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc thực hiện nhiệm vụ. Ban kiểm soát hoạt động một cách chủ động theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty, cụ thể:

– Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty đều mời các thành viên Ban kiểm soát tham dự.

– Tham gia ý kiến với HĐQT trong các vấn đề: Tổng kết hoạt động và xây dựng kế hoạch, chỉ định công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Công ty, bàn bạc thực hiện chiến lược kinh doanh của Công ty đã công bố.

– Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật (bao gồm các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các nghĩa vụ tài chính khác); Trong năm 2017 tất cả các vấn đề này được Công ty chấp hành tốt.

Trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát không nhận bất cứ một khoản thù lao nào.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Do tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2017 gặp nhiều khó khăn, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tình nguyện không nhận bất cứ một khoản thù lao nào.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

VI. Báo cáo tài chính (đính kèm)

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

NGUYỄN QUỐC HÙNG

CPA HANOI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA
Địa chỉ: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (024) 3933 4666 Fax: (024) 3933 4668

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	*06 - 08*
Báo cáo kết quả hoạt động năm 2017	*09 - 10*
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2017	*11 - 12*
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2017	*13*
Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2017	*14 - 42*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA
Địa chỉ: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (024) 3933 4666 Fax: (024) 3933 4668

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Thành lập:	Giấy phép số 44/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh sau này.
Vốn điều lệ:	58.619.400.000 đồng Việt Nam.
Hoạt động chính trong năm:	Môi giới chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tư vấn tài chính.
Trụ sở chính:	Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	*Vị trí*
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Như Hùng	Phó chủ tịch
Ông Lê Văn Cường	Thành viên
Bà Trương Thị Minh Thọ	Thành viên
Ông Lê Đức Thắng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	*Vị trí*
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp
Bà Trương Thị Minh Thọ	Giám đốc khối Kinh doanh chứng khoán
Ông Võ Thanh Hải	Giám đốc khối Công nghệ thông tin

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT *(tiếp theo)*

Ban Kiểm soát

Họ và tên	*Vị trí*
Ông Lê Thành Trung	Trưởng ban
Bà Nguyễn Đặng Bảo Linh	Thành viên
Bà Đỗ Bích Ngọc	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quốc Hùng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - Chi nhánh Hồ Chí Minh (CPA HANOI) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc

S.G.P: A4 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Quốc Hùng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN HÀ NỘI - CN TP.HCM
296 Phan Xích Long, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM
Tel: (848) 3517.1936 - Fax: (848) 3517.1935
Email: info.hcm@cpahanoi.com - www.cpahanoi.com

Số tham chiếu: 18-2-0004/BCKT-BCTC-CPAHANOI-CNHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha ("Công ty"), bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính, được lập ngày 21 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính củaCông ty Cổ phần Chứng khoán Alpha tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 8, Bản thuyết minh báo cáo tài chính về khoản đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết trị giá 15.568.770.000 đồng vượt quá 20% vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 (vốn chủ sở hữu thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 40.574.097.184đồng). Công ty có cam kết sẽ giảm tỷ lệ đầu tư về đúng hạn mức theo quy định. Công ty chưa lập dự phòng đối với khoản đầu tư này do không thể xác định giá tham chiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 một cách đáng tin cậy.

Chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 6c, Bản thuyết minh báo cáo tài chính về các khoản phải thu bán các tài sản tài chính. Đây là các khoản đầu tư theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán, Công ty đang trong quá trình tất toán các khoản đầu tư này.

Ngoài ra, chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 3.1, Bản thuyết minh báo cáo tài chính về việc Công ty chưa áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với các báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 cho các khoản mục tài sản và nợ phải trả do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý, phương pháp kế toán ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh này.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 11 (mười một) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha giữ 10 (mười) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – chi nhánh Hồ Chí Minh giữ 01 (một) bản.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh

Nguyễn Minh Tuệ – Phó Tổng Giám đốc	**Lê Văn Tuấn–Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN:2726-2018-016-1	Số Giấy CN ĐKHN: 1695-2018-016-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	*Mã số*	*Thuyết minh*	*Cuối năm VND*	*Đầu năm VND*
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**42.572.537.586**	**40.534.647.867**
Tài sản tài chính	***110***		***42.349.450.018***	***40.224.486.495***
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	*4*	12.439.533.499	18.782.537.377
Tiền	*111.1*		*439.533.499*	*12.932.537.377*
Các khoản tương đương tiền	*111.2*		*12.000.000.000*	*5.850.000.000*
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	*6a*	16.103.347.600	19.616.486.200
Các khoản cho vay	114	*6b*	13.664.875.596	4.923.715.945
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	*8*	(701.664.763)	(4.061.804.163)
Các khoản phải thu	117		594.635.329	854.321.997
Phải thu bán các tài sản tài chính	*117.1*	*6c*	*546.968.663*	*546.968.663*
Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	*117.3*	*6d*	*47.666.666*	*307.353.334*
Trả trước cho người bán	118	*9*	138.100.000	36.790.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	*10*	115.082.818	49.197.760
Các khoản phải thu khác	122	*11*	126.976.415	174.677.855
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	*12*	(131.436.476)	(151.436.476)
Tài sản ngắn hạn khác	***130***		***223.087.568***	***310.161.372***
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	*13*	187.848.487	202.950.807
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	*14*	10.000.000	86.342.130
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	*15*	25.239.081	20.868.435
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**2.505.599.409**	**3.557.713.110**
Tài sản cố định	***220***		***191.462.579***	***202.149.586***
Tài sản cố định hữu hình	221	*17*	123.129.256	89.816.259
Nguyên giá	*222*		*6.504.618.835*	*6.433.218.835*
Giá trị hao mòn luỹ kế	*223a*		*(6.381.489.579)*	*(6.343.402.576)*
Tài sản cố định vô hình	227	*18*	68.333.323	112.333.327
Nguyên giá	*228*		*1.485.162.000*	*1.485.162.000*
Giá trị hao mòn luỹ kế	*229a*		*(1.416.828.677)*	*(1.372.828.673)*
Tài sản dài hạn khác	***250***		***2.314.136.830***	***3.355.563.524***
Chi phí trả trước dài hạn	252	*13*	55.933.342	66.981.288
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	*36d*	-	1.225.863.293
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254	*16*	2.258.203.488	2.062.718.943
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**45.078.136.995**	**44.092.360.977**

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	*Mã số*	*Thuyết minh*	*Cuối năm VND*	*Đầu năm VND*
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**4.504.039.811**	**2.997.889.519**
Nợ phải trả ngắn hạn	***310***		***4.504.039.811***	***2.997.889.519***
Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311		2.500.000.000	-
Vay ngắn hạn	*312*	*19*	*2.500.000.000*	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	*20*	140.576.472	117.422.761
Phải trả người bán ngắn hạn	320	*21*	367.227.620	701.221.774
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	*22*	569.750.000	700.750.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	*23*	379.903.122	628.557.149
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	*24*	292.607.426	473.889.817
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	*25*	228.983.047	351.055.894
Quỹ khen thưởng phúc lợi	331		24.992.124	24.992.124
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**40.574.097.184**	**41.094.471.458**
Vốn chủ sở hữu	***410***		***40.574.097.184***	***41.094.471.458***
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.399.250.000	60.399.250.000
Vốn góp của chủ sở hữu	*411.1*	*26*	*58.619.400.000*	*58.619.400.000*
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		*58.619.400.000*	*58.619.400.000*
Thặng dư vốn cổ phần	*411.2*		*1.779.850.000*	*1.779.850.000*
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		382.686.493	382.686.493
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		426.206.694	426.206.694
Lợi nhuận chưa phân phối	417		(20.634.046.003)	(20.113.671.729)
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	*417.1*		*(20.634.046.003)*	*(20.113.671.729)*
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	**440**		**45.078.136.995**	**44.092.360.977**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	*Mã số*	*Thuyết minh*	*Cuối năm VND*	*Đầu năm VND*
TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	**006**	*26b*	5.861.940	5.861.940
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	**008**	*27*	200.120.000	758.460.000
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	**012**	*28*	5.950.000.000	5.950.000.000
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	**021**		730.090.930.000	725.764.440.000
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		*688.704.270.000*	*496.127.650.000*
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		*36.656.780.000*	*36.656.780.000*
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		*1.003.380.000*	*190.391.510.000*
Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		*3.726.500.000*	*2.588.500.000*
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		80.777.734.763	8.615.603.340
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	**031**		80.777.734.763	8.615.603.340
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		*80.713.804.214*	*8.559.698.008*
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		*63.930.549*	*55.905.332*

Nguyễn Hoài Vân	**Vũ Thúy Anh**	**Nguyễn Quốc Hùng**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	*Mã số*	*Thuyết minh*	*Năm nay VND*	*Năm trước VND*
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		145.515.382	536.726.078
Lãi bán tài sản tài chính FVTPL	*01.1*	*32a*	-	*184.600*
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	*01.3*	*32b*	*145.515.382*	*536.541.478*
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	*31*	636.391.872	506.925.378
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		7.328.331.181	4.931.479.015
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		229.543.174	137.703.787
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		967.272.727	1.157.272.727
Thu nhập hoạt động khác	11	*33*	406.721.440	292.119.765
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -> 11)	**20**		**9.713.775.776**	**7.562.226.750**
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		(979.043.300)	170.692.363
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	*21.1*	*32a*	*2.381.096.100*	*539.717*
Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	*21.2*	*8*	*(3.360.139.400)*	*170.152.646*
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		3.931.687.369	4.106.564.171
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		347.242.997	285.451.863
Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	31		633.818.078	813.724.984
Chi phí các dịch vụ khác	32		-	500.000
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 -> 32)	**40**		**3.933.705.144**	**5.376.933.381**
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	*34*	48.833.663	109.487.196
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -> 44)	**50**		**48.833.663**	**109.487.196**
CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Chi phí lãi vay	52		231.353.334	-
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 -> 55)	**60**		**231.353.334**	-
CHI PHÍ QUẢN LÝ CTCK	**62**	*35*	**4.892.061.942**	**5.127.587.828**
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-60-62)	**70**		**705.489.019**	**(2.832.807.263)**

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	*Mã số*	*Thuyết minh*	*Năm nay VND*	*Năm trước VND*
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70)	90		**705.489.019**	**(2.832.807.263)**
Lợi nhuận đã thực hiện	91		705.489.019	(2.832.807.263)
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	-
CHI PHÍ THUẾ TNDN	**100**		**1.225.863.293**	**1.833.974.902**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	*36a*	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	*36d*	1.225.863.293	1.833.974.902
LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200=90-100)	**200**		**(520.374.274)**	**(4.666.782.165)**
THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	**500**		**(520.374.274)**	**(4.666.782.165)**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	*37*	(89)	(796)

Nguyễn Hoài Vân	**Vũ Thúy Anh**	**Nguyễn Quốc Hùng**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	*Mã số*	*Thuyết minh*	*Năm nay VND*	*Năm trước VND*
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		1.132.042.500	958.500
Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03		(72.665.302)	(45.861.215)
Cổ tức đã nhận	04		297.500.000	-
Tiền lãi đã thu	05		53.088.895	300.632.265
Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06		(212.660.668)	-
Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(1.608.848.117)	(691.162.229)
Tiền chi trả cho người lao động	08		(3.251.862.093)	(3.934.477.486)
Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(1.789.628.861)	(655.246.654)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		17.101.232.562	138.351.756.942
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(20.419.802.794)	(133.097.281.313)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*		*(8.771.603.878)*	229.318.810
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21		(71.400.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(71.400.000)***	-
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay gốc	33		19.780.000.000	-
Tiền vay khác	*33.2*		*19.780.000.000*	
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(17.280.000.000)	-
Tiền chi trả gốc vay khác	*34.3*		*(17.280.000.000)*	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***2.500.000.000***	-
Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**		**(6.343.003.878)**	**229.318.810**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**	*4*	**18.782.537.377**	**18.553.218.567**
Tiền	61		12.932.537.377	1.453.218.567
Các khoản tương đương tiền	62		5.850.000.000	17.100.000.000

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	*Mã số*	*Thuyết minh*	*Năm nay VND*	*Năm trước VND*
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	**70**	*4*	**12.439.533.499**	**18.782.537.377**
Tiền	71		439.533.499	12.932.537.377
Các khoản tương đương tiền	72		12.000.000.000	5.850.000.000

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	*Mã số*	*Thuyết minh*	*Năm nay VND*	*Năm trước VND*
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho KH	01		2.032.533.045.528	1.350.250.300.620
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho KH	02		(1.960.215.091.889)	(1.349.662.751.979)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của KH	09		(155.822.216)	(121.623.531)
Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm	*20*		72.162.131.423	465.925.110
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30		8.615.603.340	8.149.678.230
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31		8.615.603.340	8.149.678.230
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	*32*		*8.615.603.340*	*8.149.678.230*
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40=20+30)	**40**		**80.777.734.763**	**8.615.603.340**
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41		80.777.734.763	8.615.603.340
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	*42*		*80.777.734.763*	*8.615.603.340*

Nguyễn Hoài Vân	**Vũ Thúy Anh**	**Nguyễn Quốc Hùng**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Chỉ tiêu	*Số đầu năm*		*Số tăng/(giảm)*				*Số cuối năm*	
		Năm trước	*Năm nay*	*Năm trước*		*Năm nay*		*Năm trước*	*Năm nay*
				Tăng	*(Giảm)*	*Tăng*	*(Giảm)*		
		VND	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*
I	**Biến động Vốn chủ sở hữu**								
1	Vốn góp của chủ sở hữu	60.399.250.000	60.399.250.000	-	-	-	-	60.399.250.000	60.399.250.000
	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*58.619.400.000*	*58.619.400.000*	-	-	-	-	*58.619.400.000*	*58.619.400.000*
	Thặng dư vốn cổ phần	*1.779.850.000*	*1.779.850.000*	-	-	-	-	*1.779.850.000*	*1.779.850.000*
2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	382.686.493	382.686.493	-	-	-	-	382.686.493	382.686.493
3	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	*426.206.694*	426.206.694	-	-	-	-	426.206.694	426.206.694
4	Lợi nhuận chưa phân phối	(15.446.889.564)	(20.113.671.729)	-	(4.666.782.165)	-	(520.374.274)	(20.113.671.729)	(20.634.046.003)
	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	*(15.446.889.564)*	*(20.113.671.729)*	-	*(4.666.782.165)*	-	*(520.374.274)*	*(20.113.671.729)*	*(20.634.046.003)*
	Cộng	**45.761.253.623**	**41.094.471.458**	-	**(4.666.782.165)**	-	**(520.374.274)**	**41.094.471.458**	**40.574.097.184**

Nguyễn Hoài Vân
Người lập biểu

Vũ Thúy Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Hùng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103015116 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2006 và sửa đổi lần 1 vào ngày 22 tháng 12 năm 2006;
- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006;
- Quyết định số 64/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 21 tháng 08 năm 2007 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 133/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 18 tháng 06 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty;
- Giấy phép số 211/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 07 tháng 03 năm 2009 về việc điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD được rút bớt nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

Trụ sở chính tại số 2 Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành lần đầu năm 2006, sửa đổi bổ sung ngày 11 tháng 09 năm 2010.

Quy mô vốn

Vốn cổ phần của Công ty là 58.619.400.000 đồng.

Mục tiêu hoạt động: Hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán; cung cấp các dịch vụ đáp ứng nhu cầu đầu tư vào chứng khoán của nhà đầu tư tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước; tư vấn tài chính doanh nghiệp; thực hiện các dịch vụ khác có liên quan đến đầu tư; mang lại cổ tức cao cho các cổ đông; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước; tạo tích lũy cho Công ty nhằm phát triển kinh doanh ngày càng lớn mạnh.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ: Môi giới chứng khoán, Lưu ký chứng khoán, Tư vấn tài chính.

Hạn chế đầu tư

Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 44 "Hạn chế đầu tư" Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn thành lập công ty chứng khoán và Khoản 14, Điều 1 Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính. Một số nội dung hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

Đầu tư bất động sản, tài sản cố định

Công ty không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty. Giá trị còn lại của bất động sản và tài sản cố định được đầu tư không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư trái phiếu

Công ty hiện không được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán. Nếu Công ty được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán thì Công ty được mua bán lại trái phiếu niêm yết nhưng tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu.

Đầu tư tài chính

Công ty không được đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh, cụ thể:

Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty khác có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty;
- Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, ngoại trừ đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh.

Nhân viên

Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 24 người, trong đó có 14 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 26 người, trong đó có 16 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán).

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 19 tháng 12 năm 2006 (ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam (VND).

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và thực hiện trên phần mềm kế toán trên máy vi tính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ (tiếp theo)

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 334/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan, chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 334/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi chế độ kế toán

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật kế toán mới"). Luật kế toán mới bổ sung thêm quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Luật kế toán mới có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Công ty chưa áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với các báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý, phương pháp kế toán ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả.

3.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính

Nguyên tắc phân loại FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu, AFS

Tài sản tài chính (TSTC) được phân loại thành các loại sau đây dựa trên bản chất và mục đích sở hữu tại ngày phát sinh.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

TSTC được phân loại theo FVTPL khi TSTC đó được nắm giữ để mua bán và được ghi nhận theo FVTPL tại ghi nhận ban đầu. Tất cả công cụ phái sinh bao gồm phái sinh đính kèm, tách biệt với hợp đồng chủ được phân loại là chứng khoán giao dịch, trừ khi chúng được chỉ định và là công cụ phòng ngừa rủi ro.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)
Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là TSTC không phái sinh với việc thanh toán là cố định hay xác định được và ngày đáo hạn là cố định mà Công ty đã có ý định tích cực và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Cho vay và phải thu
TSTC không phái sinh với việc hoàn trả lại là cố định hay xác định được mà không được yết giá trên một thị trường hoạt động được phân loại là khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)
TSTC không phái sinh mà không được phân loại là HTM, nắm giữ để mua bán; được chỉ định là theo FVTPL; hoặc cho vay và phải thu thì được phân loại là AFS.

Nguyên tắc phân loại nợ tài chính
Nợ tài chính được phân loại là nợ tài chính theo FVTPL hoặc nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ.

Nợ tài chính theo FVTPL
Nợ tài chính theo FVTPL bao gồm một khoản nợ tài chính nắm giữ để mua bán và một khoản nợ tài chính được chỉ định là theo FVTPL. Tất cả công cụ phái sinh bao gồm phái sinh đi kèm tách biệt với hợp đồng chủ được phân loại là nợ tài chính nắm giữ để mua bán trừ khi chúng được chỉ định và là công cụ phòng ngừa hiệu quả. Tiêu chí để chỉ định nợ tài chính theo FVTPL trên ghi nhận ban đầu giống với các tiêu chí tài sản tài chính theo FVTPL.

Nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ
Các khoản nợ tài chính mà không được phân theo FVTPL thì được phân loại là nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ.

Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường)

Giá thị trường làm căn cứ đánh giá lại được xác định như sau:
- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại;
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom) là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện đánh giá lại;
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính (tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) (tiếp theo)

Chênh lệch tăng/giảm giữa giá trị tài sản tài chính và giá trị đánh giá lại được hoàn nhập/lập dự phòng. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản cho vay, Công ty đánh giá tổn thất có khả năng xảy ra do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay và sẽ trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí hoạt động trong kỳ.

Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Nguyên tắc dừng ghi nhận tài sản tài chính và nợ tài chính

Công ty dừng ghi nhận một tài sản tài chính khi quyền nhận được luồng tiền từ tài sản tài chính hết hạn hoặc khi chuyển giao tài sản tài chính cùng với phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó cho người nhận tài sản tài chính. Nếu Công ty không chuyển giao cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó và tiếp tục kiểm soát tài sản đã chuyển giao, Công ty ghi nhận lợi ích còn lại của tài sản đó và các khoản công nợ liên quan đến việc kiểm soát tài sản. Công ty dừng ghi nhận nợ tài chính khi, và chỉ khi, nghĩa vụ của Công ty đã được miễn, hủy hoặc hết hạn.

3.4 Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3	-	8	năm
Phương tiện vận tải			5	năm
Tài sản cố định khác	3	-	8	năm
Phần mềm máy tính			5	năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.5 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu về các tài sản tài chính
Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua Sở giao dịch chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này được theo dõi trên chỉ tiêu "Phải thu bán các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty được theo dõi trên chỉ tiêu "Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi
Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên hoặc không có khả năng thu hồi.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong kỳ.

3.6 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.7 Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu
Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối
Lợi nhuận được ghi nhận là số lãi/(lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và điều chỉnh hồi tố do những thay đổi về chính sách kế toán hay sai sót của các năm trước và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam như sau:

Các quỹ	*Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế*	*Mức trích lập tối đa*
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.8 Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ
Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn thành.

Thu nhập từ hoạt động góp vốn đầu tư chứng khoán
Thu nhập từ hoạt động góp vốn đầu tư chứng khoán được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi thu nhập từ hoạt động góp vốn không chắc chắn.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán
Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức
Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Tiền lãi
Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cở sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.9 Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

3.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế hiện hành
Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại
Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại *(tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.11 Nguyên tắc ghi nhận, quản lý và trình bày về tài sản và nợ phải trả của khách hàng

Công ty quản lý tách bạch tiền gửi giao dịch chứng khoán của từng khách hàng, tách bạch tiền của khách hàng với tiền của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống quản lý tách bạch tiền của khách hàng theo phương thức khách hàng của Công ty mở tài khoản trực tiếp tại ngân hàng thương mại do Công ty lựa chọn để quản lý tiền giao dịch chứng khoán. Tài sản và nợ phải trả của khách hàng được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính của Công ty (ngoài bảng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Quản trị về rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường
Rủi ro thị trường là rủi ro thay đổi về giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ.

i. Rủi ro tiền tệ
Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

ii. Rủi ro lãi suất
Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty phải chịu rủi ro lãi suất trên các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

iii. Rủi ro về giá
Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro tín dụng
Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Rủi ro thanh khoản
Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

3.13 Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Chỉ tiêu	*Cuối năm* *VND*	*Đầu năm* *VND*
Tiền mặt tại quỹ	101.376.238	415.652.829
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	338.157.261	12.516.884.548
Các khoản tương đương tiền (*)	12.000.000.000	5.850.000.000
Cộng	**12.439.533.499**	**18.782.537.377**

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu khí Toàn Cầu, lãi suất 5,5%/năm.

5. GIÁ TRỊ, KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

Chỉ tiêu	*Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm*	*Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm*
a) Của CTCK		
- Cổ phiếu	124.090	1.132.042.500
Cộng	**124.090**	**1.132.042.500**
b) Của Nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	164.304.427	2.817.474.555.900
Cộng	**164.304.427**	**2.817.474.555.900**

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

a. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):

Tài sản FVTPL	*Cuối năm*		*Đầu năm*	
	Giá trị ghi sổ *VND*	*Giá trị đánh giá lại* *VND*	*Giá ghi sổ* *VND*	*Giá trị đánh giá lại* *VND*
Chứng khoán thương mại	16.103.347.600	15.808.167.500	19.616.486.200	15.989.894.700
Cổ phiếu chưa niêm yết	*15.568.770.000*	*15.568.770.000*	*15.568.770.000*	*15.568.770.000*
Cổ phiếu niêm yết	*534.577.600*	*239.397.500*	*4.047.716.200*	*421.124.700*
Tiền gửi có kỳ hạn cố định	-	-	-	-
Cộng	**16.103.347.600**	**15.808.167.500**	**19.616.486.200**	**15.989.894.700**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Các khoản cho vay

Chỉ tiêu	*Cuối năm*		*Đầu năm*	
	Giá gốc	*Giá trị đánh giá lại*	*Giá gốc*	*Giá trị đánh giá lại*
	VND	*VND*	*VND*	*VND*
Ứng trước tiền bán chứng khoán				
Đinh Hồng Long	6.155.809.000	6.155.809.000	1.694.130.517	1.694.130.517
Đoàn Việt Hà	4.278.586.565	4.278.586.565	1.772.102.249	1.772.102.249
Hoàng Minh Chiến	1.502.416.205	1.502.416.205	-	-
Trần Tuấn Anh	-	-	1.024.548.107	1.024.548.107
Khách hàng khác	1.728.063.826	1.728.063.826	432.935.072	432.935.072
Cộng	**13.664.875.596**	**13.664.875.596**	**4.923.715.945**	**4.923.715.945**

c. Các khoản phải thu bán các TSTC

Chỉ tiêu	*Cuối năm*	*Đầu năm*
	VND	*VND*
Hà Huy Hoàng	308.050.000	308.050.000
Trần Văn Cường	238.918.663	238.918.663
Cộng	**546.968.663**	**546.968.663**
Trong đó: Đã lập dự phòng	406.484.663	435.212.663

Các khoản phải thu bán các TSTC là các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán. Công ty đang trong quá trình tất toán các khoản đầu tư này.

d. Các khoản phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận

Chỉ tiêu	*Cuối năm*	*Đầu năm*
	VND	*VND*
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	47.666.666	9.853.334
Phải thu cổ tức	-	297.500.000
Cộng	**47.666.666**	**307.353.334**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

7. BẢNG TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Các loại tài sản tài chính	31/12/2017					01/01/2017				
		Giá trị mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	CL đánh giá kỳ này		Giá trị đánh giá lại	Giá trị mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ trước	CL đánh giá kỳ trước		Giá trị đánh giá lại
				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
A	B	1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)
I	**FVTPL**	**16.103.347.600**	**15.808.167.500**	-	**295.180.100**	**15.808.167.500**	**19.616.486.200**	**15.989.894.700**	-	**3.626.591.500**	**15.989.894.700**
1	*Cổ phiếu*	*16.103.347.600*	*15.808.167.500*	-	*295.180.100*	*15.808.167.500*	*19.616.486.200*	*15.989.894.700*	-	*3.626.591.500*	*15.989.894.700*
	ANV	534.235.572	239.071.700	-	295.163.872	239.071.700	4.047.374.172	420.912.000	-	3.626.462.172	420.912.000
	VCB	342.028	325.800	-	16.228	325.800	342.028	212.700	-	129.328	212.700
	Công ty Cổ phần bia và nước giải khát Việt Hà	15.568.770.000	15.568.770.000	-	-	15.568.770.000	15.568.770.000	15.568.770.000	-	-	15.568.770.000
II	**HTM**										
III	**Các khoản cho vay và phải thu**	**14.259.510.925**	**13.853.026.262**	-	**406.484.663**	**13.853.026.262**	**5.778.037.942**	**5.342.825.279**	-	**435.212.663**	**5.342.825.279**
1	*Các khoản cho vay*	*13.664.875.596*	*13.664.875.596*	-	-	*13.664.875.596*	*4.923.715.945*	*4.923.715.945*	-	-	*4.923.715.945*
	Giao dịch ký quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Ứng trước tiền bán chứng khoán	13.664.875.596	13.664.875.596	-	-	13.664.875.596	4.923.715.945	4.923.715.945	-	-	4.923.715.945
2	*Các khoản phải thu*	*594.635.329*	*188.150.666*	-	*406.484.663*	*188.150.666*	*854.321.997*	*419.109.334*	-	*435.212.663*	*419.109.334*
	Phải thu bán các tài sản tài chính	546.968.663	140.484.000	-	406.484.663	140.484.000	546.968.663	111.756.000	-	435.212.663	111.756.000
	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	47.666.666	47.666.666	-	-	47.666.666	307.353.334	307.353.334	-	-	307.353.334
IV	**AFS**										
	Cộng	**30.362.858.525**	**29.661.193.762**	-	**701.664.763**	**29.661.193.762**	**25.394.524.142**	**21.332.719.979**	-	**4.061.804.163**	**21.332.719.979**

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

8. TÌNH HÌNH LẬP DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Loại TSTC	Số lượng	Cơ sở lập dự phòng kỳ này: Giá sổ sách kế toán	Cơ sở lập dự phòng kỳ này: Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng kỳ này	Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức trích lập hoặc (hoàn nhập) năm nay
A	B	1	2	3	4	5	6
I	**TSTC FVTPL**	**615.012**	**16.103.347.600**	**15.808.167.500**	**295.180.100**	**3.626.591.500**	**(3.331.411.400)**
1	ANV	20.006	534.235.572	239.071.700	295.163.872	3.626.462.172	(3.331.298.300)
2	VCB	6	342.028	325.800	16.228	129.328	(113.100)
3	Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà (*)	595.000	15.568.770.000	15.568.770.000	-	-	-
II	**TSTC HTM**	-	-	-	-	-	-
III	**TSTC cho vay**	-	**14.259.510.925**	**13.853.026.262**	**406.484.663**	**435.212.663**	**(28.728.000)**
1	Margin	-	-	-	-	-	-
2	Ứng trước tiền bán chứng khoán	-	13.664.875.596	13.664.875.596	-	-	-
3	Phải thu bán các tài sản tài chính	-	546.968.663	140.484.000	406.484.663	435.212.663	(28.728.000)
4	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	-	47.666.666	47.666.666	-	-	-
IV	**TSTC AFS**	-	-	-	-	-	-
	Cộng	**615.012**	**30.362.858.525**	**29.661.193.762**	**701.664.763**	**4.061.804.163**	**(3.360.139.400)**

(*) Khoản đầu tư chiếm 38,37% vốn chủ sở hữu thuần tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017. Công ty đang tìm đối tác nhận chuyển nhượng khoản đầu tư để giảm tỷ lệ đầu tư về đúng hạn mức quy định. Công ty chưa lập dự phòng đối với khoản đầu tư này do không thể xác định giá tham chiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 một cách đáng tin cậy.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Chỉ tiêu	*Cuối năm*	*Đầu năm*
	VND	*VND*
Công ty Cổ phần Giải Pháp công nghệ Gosmac Việt Nam	98.500.000	-
Đối tượng khác	39.600.000	36.790.000
Cộng	**138.100.000**	**36.790.000**

10. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY ĐÃ CUNG CẤP

Chỉ tiêu	*Cuối năm*	*Đầu năm*
	VND	*VND*
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính	***102.700.000***	***35.500.000***
Công ty Cổ phần Vàng Châu Á (*)	16.500.000	16.500.000
Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long (*)	15.000.000	15.000.000
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước (*)	4.000.000	4.000.000
Công ty Cổ phần Cơ giới và xây dựng Thăng Long	54.000.000	-
Công ty TNHH In Tài chính	13.200.000	-
Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư	***12.382.818***	***13.697.760***
Cộng	**115.082.818**	**49.197.760**

(*) Đã lập dự phòng 100%, xem thuyết minh số 12.

11. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Chỉ tiêu	*Cuối năm*	*Đầu năm*
	VND	*VND*
Công ty Cổ phần Nha khoa Bắc Nam (*)	95.936.476	115.936.476
Phải thu khác	31.039.939	58.741.379
Cộng	**126.976.415**	**174.677.855**

(*) Đã lập dự phòng 100%, xem thuyết minh số 12.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

12. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

STT	*Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng*	*Giá trị phải thu khó đòi*	*Số trích lập trong năm*	*Số hoàn nhập trong năm*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
		VND	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*
1	**Các khoản phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp**	***35.500.000***	-	-	***35.500.000***	***35.500.000***
	Công ty Cổ phần Vàng Châu Á	16.500.000	-	-	16.500.000	16.500.000
	Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long	15.000.000	-	-	15.000.000	15.000.000
	Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước	4.000.000	-	-	4.000.000	4.000.000
2	**Các khoản phải thu khác**	***95.936.476***	-	***20.000.000***	***95.936.476***	***115.936.476***
	Công ty Cổ phần Nha khoa Bắc Nam	95.936.476	-	20.000.000	95.936.476	115.936.476
	Cộng	**131.436.476**	-	**20.000.000**	**131.436.476**	**151.436.476**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN, DÀI HẠN

Chỉ tiêu	*Cuối năm* VND	*Đầu năm* VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	***187.848.487***	***202.950.807***
Chi phí thường niên và quản lý thành viên	-	9.450.000
Chi phí đường truyền	30.600.000	30.600.000
Chi phí tư vấn phát hành chứng khoán	153.400.000	153.400.000
Chi phí chờ phân bổ khác	3.848.487	9.500.807
Chi phí trả trước dài hạn	***55.933.342***	***66.981.288***
Thiết bị, dụng cụ chờ phân bổ	55.933.342	66.981.288
Cộng	**243.781.829**	**269.932.095**

14. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	*Cuối năm* VND	*Đầu năm* VND
Đặt cọc thuê văn phòng Hồ Chí Minh	-	76.342.130
Đặt cọc thẻ taxi	10.000.000	10.000.000
Cộng	**10.000.000**	**86.342.130**

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	*Cuối năm* VND	*Đầu năm* VND
Thuế thu nhập cá nhân (từ tiền lương) nộp thừa	4.370.646	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	20.868.435	20.868.435
Cộng	**25.239.081**	**20.868.435**

16. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Chỉ tiêu	*Cuối năm* VND	*Đầu năm* VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.267.785.200	1.195.119.898
Tiền lãi phân bổ trong năm	870.418.288	747.599.045
Cộng	**2.258.203.488**	**2.062.718.943**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

17. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	*Máy móc, thiết bị*	*Phương tiện vận tải, truyền dẫn*	*Tài sản cố định khác*	*Cộng*
	VND	*VND*	*VND*	*VND*
Nguyên giá				
Số đầu năm	4.080.408.872	820.737.000	1.532.072.963	6.433.218.835
Mua mới	71.400.000	-	-	71.400.000
Số cuối năm	4.151.808.872	820.737.000	1.532.072.963	6.504.618.835
Hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	4.008.168.971	820.737.000	1.514.496.605	6.343.402.576
Khấu hao trong năm	30.804.696	-	7.282.307	38.087.003
Số cuối năm	4.038.973.667	820.737.000	1.521.778.912	6.381.489.579
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	72.239.901	-	17.576.358	89.816.259
Số cuối năm	112.835.205	-	10.294.051	123.129.256
Trong đó:				
Hết khấu hao đang sử dụng (NG)	3.841.269.760	820.737.000	1.473.941.963	6.135.948.723

18. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	*Phần mềm giao dịch*
	VND
Nguyên giá	
Số đầu năm	1.485.162.000
Số cuối năm	1.485.162.000
Hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	1.372.828.673
Khấu hao trong năm	44.000.004
Số cuối năm	1.416.828.677
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	112.333.327
Số cuối năm	68.333.323

Trong đó, nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.265.162.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

19. VAY NGẮN HẠN

Khoản vay bà Trần Bích Lâm theo hợp đồng số 06/2017/HĐVT ngày 22 tháng 12 năm 2017 để bổ sung vốn lưu động, số tiền vay 2,5 tỷ đồng, thời hạn vay 1 tháng, lãi suất 12% năm và không có tài sản đảm bảo.

20. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Chỉ tiêu	*Cuối năm* *VND*	*Đầu năm* *VND*
Sở giao dịch chứng khoán - phí giao dịch	106.000.000	86.241.695
Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) - phí lưu ký	34.576.472	31.181.066
Cộng	**140.576.472**	**117.422.761**

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	*Cuối năm* *VND*	*Đầu năm* *VND*
Công ty TNHH hệ thống thông tin NH Tài chính FPT	24.000.000	24.000.000
Viện Hóa học Công Nghiệp	343.227.620	677.221.774
Cộng	**367.227.620**	**701.221.774**

22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	*Cuối năm* *VND*	*Đầu năm* *VND*
Khách hàng trả tiền trước hoạt động tư vấn tài chính		
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông – Công ty Cổ phần	250.000.000	250.000.000
Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	66.000.000	125.000.000
Công ty Cổ phần Liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF	65.000.000	65.000.000
Khách hàng khác	88.750.000	260.750.000
Cộng	**569.750.000**	**700.750.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	*Cuối năm*	*Đầu năm*
	VND	*VND*
Thuế giá trị gia tăng	15.920.092	12.996.809
Thuế thu nhập cá nhân	363.983.030	615.560.340
Cộng	**379.903.122**	**628.557.149**

24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	*Cuối năm*	*Đầu năm*
	VND	*VND*
Hoa hồng môi giới	54.739.386	322.070.966
Lãi trả nhà đầu tư	15.188.513	4.664.480
Chi phí lãi vay	7.500.000	-
Chi phí đường truyền	28.591.545	42.489.330
Chi phí bảo trì cơ sở dữ liệu	72.000.000	6.000.000
Chi phí hoạt động khác	114.587.982	98.665.041
Cộng	**292.607.426**	**473.889.817**

25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Chỉ tiêu	*Cuối năm*	*Đầu năm*
	VND	*VND*
Cổ tức phải trả	90.975.647	90.975.647
Các khoản phải trả, phải nộp khác	138.007.400	260.080.247
Cộng	**228.983.047**	**351.055.894**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chỉ tiêu	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Cuối năm VND*	*Đầu năm VND*
Công ty TNHH CNTT và TT Tân Thanh Hoa	1,96	1.150.000.000	1.150.000.000
Ông Lê Thành Trung	9,81	5.750.000.000	5.750.000.000
Bà Vũ Thúy Anh	9,26	5.428.000.000	5.428.000.000
Cổ đông khác	78,97	46.291.400.000	46.291.400.000
Cộng	**100,00**	**58.619.400.000**	**58.619.400.000**

b. Cổ phiếu đang lưu hành

Chỉ tiêu	*Năm nay*	*Năm trước*
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.861.940	5.861.940
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.861.940	5.861.940
Cổ phiếu phổ thông	*5.861.940*	*5.861.940*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.861.940	5.861.940
Cổ phiếu phổ thông	*5.861.940*	*5.861.940*

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CÔNG TY

Tài sản tài chính	*Cuối năm VND*	*Đầu năm VND*
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	200.120.000	758.460.000
Cộng	**200.120.000**	**758.460.000**

Giá trị tài sản tài chính được phản ánh theo mệnh giá.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Chỉ tiêu	*Cuối năm* *VND*	*Đầu năm* *VND*
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	5.950.000.000	5.950.000.000
Cộng	**5.950.000.000**	**5.950.000.000**

Giá trị tài sản tài chính được phản ánh theo mệnh giá.

29. PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VỀ DỊCH VỤ CHO CÔNG TY

Chỉ tiêu	*Cuối năm* *VND*	*Đầu năm* *VND*
Phải trả phí lưu ký chứng khoán	12.382.818	13.697.760
Cộng	**12.382.818**	**13.697.760**

30. PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Chỉ tiêu	*Cuối năm* *VND*	*Đầu năm* *VND*
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	13.664.875.596	4.923.715.945
Cộng	**13.664.875.596**	**4.923.715.945**

31. LÃI TỪ CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ PHẢI THU

Chỉ tiêu	*Năm nay* *VND*	*Năm trước* *VND*
Lãi cho vay hoạt động Margin	-	217.050.834
Lãi cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	636.391.872	289.874.544
Cộng	**636.391.872**	**506.925.378**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

32. LÃI/LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)

a. Lãi/ lỗ bán các tài sản tài chính

STT	*Danh mục các khoản đầu tư*	*Số lượng*	*Giá bán*	*Tổng giá trị bán*	*Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch*	*Lãi, (lỗ) bán chứng khoán năm nay*	*Lãi, (lỗ) bán chứng khoán năm trước*
			VND	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*
A	B	1	2	3=(1*2)	4	5=(3-4)	6
I	**Lãi bán**						
1	**Cổ phiếu niêm yết**	-	-	-	-	-	*184.600*
	PVC	-	-	-	-	-	184.600
	Cộng	-	-	-	-	-	**184.600**
II	**Lỗ bán**						
1	***Cổ phiếu niêm yết***	***124.090***	***9.123***	***1.132.042.500***	***3.513.138.600***	***(2.381.096.100)***	***(539.717)***
	ANV	124.090	9.123	1.132.042.500	3.513.138.600	(2.381.096.100)	(539.717)
	NBC	-	-	-	-	-	-
	Cộng	**124.090**	**9.123**	**1.132.042.500**	**3.513.138.600**	**(2.381.096.100)**	**(539.717)**

b. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL

Chỉ tiêu	*Năm nay* *VND*	*Năm trước* *VND*
Cổ tức	68.260.800	297.500.000
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	77.254.582	239.041.478
Cộng	**145.515.382**	**536.541.478**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

33. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

Chỉ tiêu	*Năm nay* *VND*	*Năm trước* *VND*
Phí quản lý sổ cổ đông	24.000.000	56.727.272
Phí tất toán tài khoản	2.072.815	1.963.225
Phí chuyển nhượng cổ phần	128.140.160	16.296.225
Lãi được phân bổ Quỹ hỗ trợ thanh toán	252.508.465	217.133.043
Cộng	**406.721.440**	**292.119.765**

34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	*Năm nay* *VND*	*Năm trước* *VND*
Lãi tiền gửi không cố định	48.833.663	109.487.196
Cộng	**48.833.663**	**109.487.196**

35. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY

Chỉ tiêu	*Năm nay* *VND*	*Năm trước* *VND*
Chi phí nhân viên quản lý (lương và các khoản phúc lợi)	2.575.762.506	2.696.520.942
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	457.515.305	507.543.263
Chi phí văn phòng phẩm	3.526.364	62.416.273
Chi phí công cụ, dụng cụ	29.043.225	35.969.330
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.443.728	29.851.836
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(20.000.000)	38.780.943
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.345.289.387	1.174.282.207
Chi phí khác	486.481.427	579.223.034
Cộng	**4.892.061.942**	**5.127.587.828**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được.

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ tiêu	*Năm nay* *VND*	*Năm trước* *VND*
Lợi nhuận kế toán (1)	**705.489.019**	**(2.832.807.263)**
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	245.025.168	56.569.371
Các khoản điều chỉnh (giảm) (3)	(68.260.800)	(307.353.334)
Thu nhập chịu thuế TNDN (4) = (1) + (2) + (3)	**882.253.387**	**(3.083.591.226)**
Chuyển lỗ năm trước (5)	(882.253.387)	-
Thu nhập tính thuế (6)	-	-
Thuế suất (7)	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (8) = (6) * (7)	-	-

b. Tình hình quyết toán thuế TNDN

Từ khi thành lập đến nay, cơ quan thuế chưa kiểm tra quyết toán thuế TNDN của Công ty.

c. Chuyển lỗ

Theo luật thuế hiện hành, các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau trong vòng 5 năm kể từ khi phát sinh để bù trừ với lợi nhuận thu được.

Năm phát sinh - năm hết hạn	*Số lỗ phát sinh* *VND*	*Số lỗ đã chuyển* *VND*	*Số lỗ đã hết hạn* *VND*	*Số lỗ còn được chuyển* *VND*
2010 - 2015	811.837.793	811.837.793	-	-
2011 - 2016	10.072.196.986	902.322.477	9.169.874.509	-
2012 - 2017	6.129.316.466	882.253.387	5.247.063.079	-
2013 - 2018	3.825.114.243	-	-	3.825.114.243
2015 - 2020	2.617.558.759	-	-	2.617.558.759
2016 - 2021	3.083.591.226	-	-	3.083.591.226
Cộng	**26.539.615.473**	**2.596.413.657**	**14.416.937.588**	**9.526.264.228**

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ còn được chuyển nói trên do không có các đảm bảo chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để cấn trừ các khoản lỗ tính thuế đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

d. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ("tài sản thuế TNHL")

Chỉ tiêu	*Năm nay* *VND*	*Năm trước* *VND*
Số dư đầu năm (1)	**1.225.863.293**	**3.059.838.195**
Tài sản thuế TNHL phát sinh trong kỳ (2) = (3)+(4)	**(1.225.863.293)**	**(1.833.974.902)**
Lỗ có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai (3)	-	-
Khoản hoàn nhập tài sản thuế TNHL đã được ghi nhận từ các năm trước (4)	(1.225.863.293)	(1.833.974.902)
Số dư cuối năm (5) = (1) + (2)	-	**1.225.863.293**

37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Chỉ tiêu	*Năm nay* *VND*	*Năm trước* *VND*
Lợi nhuận kế toán sau thuế (1)	(520.374.274)	(4.666.780.416)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (2)	-	-
Lãi/(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2)	**(520.374.274)**	**(4.666.780.416)**
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (4)	5.861.940	5.861.940
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)	**(89)**	**(796)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

38. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH

	Giá trị ghi sổ				*Giá trị hợp lý*	
	Số cuối năm		*Số đầu năm*		*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*		
	VND	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.439.533.499	-	18.782.537.377	-	12.439.533.499	18.782.537.377
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	16.103.347.600	295.180.100	19.616.486.200	3.626.591.500	15.808.167.500	15.989.894.700
Các khoản cho vay	13.664.875.596	-	4.923.715.945	-	13.664.875.596	4.923.715.945
Các khoản phải thu ngắn hạn	594.635.329	406.484.663	854.321.997	435.212.663	188.150.666	419.109.334
Trả trước cho người bán	138.100.000	-	36.790.000	-	138.100.000	36.790.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	115.082.818	35.500.000	49.197.760	35.500.000	79.582.818	13.697.760
Phải thu khác ngắn hạn	126.976.415	95.936.476	174.677.855	115.936.476	31.039.939	58.741.379
Cộng	**43.182.551.257**	**833.101.239**	**44.437.727.134**	**4.213.240.639**	**42.349.450.018**	**40.224.486.495**
Nợ tài chính						
Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	2.500.000.000	-	-	-	2.500.000.000	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	140.576.472	-	117.422.761	-	140.576.472	117.422.761
Phải trả người bán ngắn hạn	367.227.620	-	701.221.774	-	367.227.620	701.221.774
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	569.750.000	-	700.750.000	-	569.750.000	700.750.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	379.903.122	-	628.557.149	-	379.903.122	628.557.149
Chi phí phải trả ngắn hạn	292.607.426	-	473.889.817	-	292.607.426	473.889.817
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	228.983.047	-	351.055.894	-	228.983.047	351.055.894
Cộng	**4.479.047.687**	**-**	**2.972.897.395**	**-**	**4.479.047.687**	**2.972.897.395**

38. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán được xác định theo giá trị thị trường.

39. QUẢN TRỊ VỀ RỦI RO TÀI CHÍNH

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro tiền tệ: Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ do các nghiệp vụ phát sinh đều bằng đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất: Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể vì hầu hết các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều là tài khoản thanh toán. Công ty không chịu rủi ro lãi suất trên các khoản vay do không có phát sinh các khoản vay.

Rủi ro về giá: Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

b. Rủi ro tín dụng

Công ty không có rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng do Công ty quản lý tài sản của khách hàng. Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên báo cáo tình hình tài chính. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, các khoản cho vay các khoản phải thu khác.

c. Rủi ro thanh khoản

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động các luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

39. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Nợ tài chính	*Dưới 1 năm*	*Từ 1 đến 5 năm*	*Trên 5 năm*	*Cộng*
	VND	*VND*	*VND*	*VND*
Đầu năm				
Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	117.422.761	-	-	117.422.761
Phải trả người bán ngắn hạn	701.221.774	-	-	701.221.774
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	700.750.000	-	-	700.750.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	628.557.149	-	-	628.557.149
Chi phí phải trả ngắn hạn	473.889.817	-	-	473.889.817
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	351.055.894	-	-	351.055.894
Cuối năm				
Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	2.500.000.000	-	-	2.500.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	140.576.472	-	-	140.576.472
Phải trả người bán ngắn hạn	367.227.620	-	-	367.227.620
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	569.750.000	-	-	569.750.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	379.903.122	-	-	379.903.122
Chi phí phải trả ngắn hạn	292.607.426	-	-	292.607.426
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	228.983.047	-	-	228.983.047

d. Tài sản tài chính quá hạn, giảm giá

Các tài sản tài chính của Công ty không quá hạn cũng không bị giảm giá: Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có uy tín theo đánh giá của Công ty.

Công ty có nhóm tài sản tài chính quá hạn và giảm giá trị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tài sản tài chính	*Giá trị ghi sổ*	*Trong đó*	
		Quá hạn	*Giảm giá*
	VND	*VND*	*VND*
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	16.103.347.600	-	295.180.100
Các khoản phải thu ngắn hạn	594.635.329	406.484.663	-
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	115.082.818	35.500.000	-
Phải thu khác	126.976.415	95.936.476	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

40. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

Chỉ tiêu	*Năm nay* *VND*	*Năm trước* *VND*
Lương và các quyền lợi gộp khác của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	1.235.988.875	1.231.982.590

41. THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh là các thông tin trên các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh (CPA HANOI).

42. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

Nguyễn Hoài Vân	Vũ Thủy Anh	Nguyễn Quốc Hùng
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018